

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG QUÂN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI LONG QUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502499469

**3. Ngày thành lập:** 12/05/2023

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 215 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0966579675

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy lạnh, điều hoà không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản) và trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải, luyện cán cao su)                                                                                                                   | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống chống sét, hệ thống gas                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng<br>Chi tiết: sửa chữa công trình dân dụng, công nghiệp, kỹ thuật hạ tầng đô thị.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4330     |
| 4.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4511     |
| 5.  | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4541     |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Môi giới thương mại (trừ môi giới bất động sản, đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4610     |
| 7.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4641     |
| 8.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn sách, báo, tạp chí, giấy, vở, bìa các tông, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao, đồ chơi trẻ em; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Đồ dùng dạy học, thiết bị trường học; Đồ chơi trẻ em; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu | 4649     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị giáo dục sử dụng công nghệ thông tin và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4651(Chính) |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị âm nhạc; băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh. Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652        |
| 11. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4653        |
| 12. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán máy thủy chuẩn, máy đo khoảng cách, máy định vị máy vệ tinh, máy bộ đàm; mua bán máy móc, thiết bị văn phòng (máy fax, scan, hủy giấy, máy in, photocopy, kết sắt, vật tư ngành in); mua bán máy phát điện, máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy nỏ; Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng bằng gỗ; máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; thiết bị nghe nhìn. Bán buôn máy móc, thiết bị, dụng cụ phương tiện phòng cháy chữa cháy. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác | 4659        |
| 13. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Mua bán xăng, dầu; Mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4661        |
| 14. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Mua bán quặng kim loại, sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662        |
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn vec ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; mua bán đồ ngũ kim                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4663        |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn thiết bị cơ khí dùng cho máy tiện bào, phay; mua bán phân bón, hóa chất sử dụng trong nông nghiệp (Trừ hóa chất mang tính độc hại mạnh và cấm lưu thông); mua bán cao su, tơ, xơ, sợi dệt, phụ liệu may mặc, dây dếp; mua bán phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động kinh doanh ngành nghề trên khi đã có đủ điều kiện theo quy định của Luật bảo vệ Môi trường).                                                                                                                            | 4669        |
| 17. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi<br>Chi tiết: Bảo dưỡng và sửa chữa máy móc, thiết bị văn phòng - giáo dục; máy vi tính và thiết bị ngoại vi; thiết bị điện tử                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 9511        |
| 18. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng<br>(trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải, luyện cán cao su)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9521        |
| 19. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình<br>Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống điện, điện tử, hệ thống nước (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải, luyện cán cao su)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 9522        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 6201 |
| 21. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính<br>Chi tiết: Tư vấn lập đề cương dự án; Tư vấn đấu thầu; Tư vấn giải pháp công nghệ thông tin; Tư vấn giám sát Công nghệ thông tin; Thiết kế, tạo lập trang chủ internet; thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông, truyền thông đa phương tiện.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6202 |
| 22. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết: Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm); Thiết kế trang Web; Dịch vụ về hệ thống CAD/CAM, hệ thống camera quan sát, hệ thống điện gia dụng, tích hợp mạng cục bộ (LAN), quản lý máy tính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6209 |
| 23. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, thuế, pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020 |
| 24. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa hình trong phạm vi dự án đầu tư xây dựng công trình; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và hạ tầng kỹ thuật; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi và cấp, thoát nước; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình: thủy lợi; Giao thông; dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước); Lập dự án đầu tư; Lập hồ sơ mời thầu và lựa chọn nhà thầu; Quản lý dự án; Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, công trình cấp thoát nước; Kiểm tra và chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng; Thẩm tra thiết kế, dự toán công trình hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát lắp đặt phần điện và thiết bị điện công trình; Hoạt động đo đạc và bản đồ (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động ngành nghề này khi được cục đo đạc và bản đồ thuộc Bộ Tài Nguyên và Môi trường cấp giấy phép hoạt động) | 7110 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 25. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế xây dựng công trình dân dụng; Thiết kế xây dựng công trình công nghiệp; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi; Thiết kế xây dựng công trình cấp thoát nước; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi thủy điện; Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kết cấu công trình giao thông; Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa hình công trình xây dựng; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình: xây dựng dân dụng, công nghiệp. | 7410 |
| 26. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7710 |
| 27. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4690 |
| 28. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác<br>Chi tiết: Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng (Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1621 |
| 29. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1622 |
| 30. | Dịch vụ liên quan đến in<br>Chi tiết: Dịch vụ in ấn, photocopy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1812 |
| 31. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 1820 |
| 32. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít<br>Chi tiết: sản xuất mực in (Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2022 |
| 33. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2592 |
| 34. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2620 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Sản xuất thiết bị truyền thông<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                 | 2630 |
| 36. | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                             | 2640 |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>(trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4931 |
| 38. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4932 |
| 39. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 40. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5022 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: dịch vụ giao nhận hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 5229 |
| 42. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7912 |
| 43. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3100 |
| 44. | Sản xuất nhạc cụ<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3220 |
| 45. | Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                                                                                                                                             | 3230 |
| 46. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất thiết bị camera quan sát, thiết bị truyền hình, thiết bị định vị, máy chấm công, thiết bị mạng, thiết bị báo động; Sản xuất đồ dùng, thiết bị ngành giáo dục, thiết bị phòng học ngoại ngữ, phòng học đa năng và phòng học 3D và 4D<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan) | 3290 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 47. | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa máy móc, thiết bị viễn thông, quan sát, chống sét<br>(Doanh nghiệp cam kết không được lập xưởng sản xuất gia công trong khu dân cư và chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan) | 3312 |
| 48. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3314 |
| 49. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp<br>Chi tiết: lắp đặt sản phẩm phân cứng                                                                                                                                                                                                                                     | 3320 |
| 50. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3700 |
| 51. | Thu gom rác thải không độc hại                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 3811 |
| 52. | Thu gom rác thải độc hại<br>Chi tiết: Thu gom rác thải y tế                                                                                                                                                                                                                                                         | 3812 |
| 53. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(Doanh nghiệp cam kết chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                      | 3821 |
| 54. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>(Doanh nghiệp cam kết chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                            | 3822 |
| 55. | Tái chế phế liệu<br>(Doanh nghiệp cam kết chỉ được phép hoạt động kinh doanh khi được đủ điều kiện theo quy định của luật Bảo vệ Môi trường và pháp luật có liên quan)                                                                                                                                              | 3830 |
| 56. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4101 |
| 57. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4102 |
| 58. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4211 |
| 59. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4212 |
| 60. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4221 |
| 61. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4222 |
| 62. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4223 |
| 63. | Xây dựng công trình công ích khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                         | 4229 |
| 64. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình công nghiệp, lắp đặt trạm thu sóng                                                                                                                                                                         | 4299 |
| 65. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311 |
| 66. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312 |
| 67. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải, luyện cán cao su)                                                                                                                                                                                                                      | 4321 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 68. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng; máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                            | 4741                                                                |
| 69. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                   | 4753                                                                |
| 70. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4759                                                                |
| 71. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ sách, báo, tạp chí (có nội dung được phép lưu hành); văn phòng phẩm                                                                              | 4761                                                                |
| 72. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                      | 4763                                                                |
| 73. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ chơi trẻ em (không kinh doanh đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội).                 | 4764                                                                |
| 74. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ dùng dạy học, thiết bị trường học. Bán lẻ máy móc, thiết bị, dụng cụ phương tiện phòng cháy chữa cháy. Bán lẻ máy móc, thiết bị y tế                          | 4773                                                                |
| 75. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư              | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: VŨ LÊ NGỌC LONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/01/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 077091001184

Ngày cấp: 28/09/2021 Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 215 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 215 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

Thời gian đăng từ ngày 13/05/2023 đến ngày 12/06/2023

\* Họ và tên: **VŨ LÊ NGỌC LONG** Giới tính: *Nam*  
Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*  
Sinh ngày: *24/01/1991* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*  
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *077091001184*  
Ngày cấp: *28/09/2021* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*  
Địa chỉ thường trú: *215 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*  
Địa chỉ liên lạc: *215 Lê Lợi, Phường Thắng Nhì, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*  
**9. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu*